TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2018/DS – PT
Ngày: 22/8/2018
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLPT - DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS – ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2018/QĐ – PT ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Lê Văn L, sinh năm 1930, chết năm 2014.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L:

- Phan Thị A, sinh năm 1940,

- Lê Văn P, sinh năm 1955,

- Lê Thị B, sinh năm 1960,

- Lê Thị Đ, sinh năm 1962,

- Lê Văn P1, sinh năm 1964,

- Lê Thị L1, sinh năm 1971,

- Lê Công T, sinh năm 1981,

- Lê Tuấn K, sinh năm 1981,

- Lê Văn Đ1, sinh năm 1986,

- Lê Thị Kim C, sinh năm 1990,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Lê Thị A1, sinh năm 1955, (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Lê Thị T1, sinh năm 1940,

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn L, bà Lê Thị T1: ông Lê Văn A2, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp N, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền các ngày 29/8/2017, 30/8/2017, 17/10/2017, 25/9/2017) (có mặt)

- *Bị đơn:* Lê Văn N, sinh năm 1944, chết năm 2011.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lê Văn N:

- Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1942,

- Lê Thanh S, sinh năm 1974, (có mặt)

- Lê Thanh T2, sinh năm 1977,

- Lê Thanh K1, sinh năm 1983,

- Lê Thanh N1, sinh năm 1979,

- Lê Thanh X, sinh năm 1981,

- Lê Thị D, sinh năm 1985,

Cùng trú tại: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ2, các anh chị T2, K1, N1, X, D: anh Lê Thanh S. (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2011)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thanh N1, sinh năm 1979, (có mặt)

2. Lê Thanh X, sinh năm 1981, (có mặt)

3. Võ Thành N2 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4/ Bà Lê Thị L1, sinh năm 1967, (từ chối tham gia tố tụng).

Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: anh Lê Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, các nguyên đơn cùng trình bày:

Ông Lê Văn P2 có 05 người con gồm Lê Văn L, Lê Thị T1, Lê Thị A1, Lê Văn P3 và Lê Văn N. Ông P2 chết năm 2006, khi còn sống ông P2 có thừa hưởng 4 thửa đất do ông bà của ông P2 để lại, 4 thửa đất gồm thửa 110, 113, 114, 115 cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã B. Khi còn sống thì ông P2 có cho bị đơn Lê Văn N sử dụng thửa 113, 114 tờ bản đồ số 17, hiện ông N đã đứng tên quyền sử dụng hai thửa đất này. Hai thửa còn lại 110, 115 thì ông Lê Văn P2 đứng tên kê khai ở sổ mục kê, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi còn sống ông P2 chưa cho ai hai thửa đất này và khi chết ông P2 cũng không có di chúc định đoạt phân chia 2 thửa này cho ai. Do thửa 110 là thửa đất thổ mộ từ xưa nay nhưng hiện nay ông N lại không cho các nguyên đơn và con cháu ra vào đất thăm thổ mộ và không cho ai chôn cất trên thửa 110, từ đó dẫn đến tranh chấp. Do vậy nay các nguyên đơn Lê Văn L, Lê Thị T1, Lê Thị A1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế 2 thửa đất 115, 110 cho các nguyên đơn được thừa kế theo pháp luật để làm thổ mộ và yêu cầu ông N cùng các con ông N phải mở lối đi có diện tích là 71,5m^2 trên thửa 113 dẫn vào phần đất thửa 115, 110. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết thì Lê Thanh X là con của ông Lê Văn N đã đặt máy bom cát lấy đất bồi nền nhà của bà X dẫn đến một phần đất tranh chấp bị lỡ thành ao đìa nên yêu cầu Lê Thanh X phải bồi thường công san lắp lại phần ao sau này với số tiền là 31.680.000 đồng (ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Các nguyên đơn đồng ý bản vẽ và kết quả định giá làm cơ sở cho Tòa án giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Trong quá trình tố tụng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Lê Văn N trình bày:

Phần đất các thửa 110, 113, 114, 115 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre, có nguồn gốc là của ông Lê Văn P2 (cha của ông Lê Văn N).

Năm 1981 ông P2 cho ông N 4 thửa đất trên. Ông N sử dụng 4 thửa đất trên từ năm 1981, sử dụng ổn định đến nay đã hơn 30 năm không ai tranh chấp và cũng không ai có ý kiến gì. Hiện nay thửa 113, 114 ông N đã được UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất vào năm 1996, còn thửa 110, 115 thì Lê Văn P2 đứng tên sổ mục kê chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó mà các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa 110, 115 và yêu cầu mở lối đi trên thửa 113 của ông N thì bị đơn Lê Văn N không đồng ý và hiện nay các thừa kế của ông N vẫn không đồng ý, bởi tuy thửa 110, 115 ông N chưa đứng tên quyền sử dụng đất, ông P2 đứng tên sổ mục kê nhưng ông P2 đã cho ông N sử dụng từ năm 1981, ông N là người canh tác quản lý đất từ năm 1981 đến nay. Thửa 113 hiện có nhà của ông N, và ông N đã bán một phần thửa 113 cho Lê Thanh X cất nhà, phần còn lại thửa 113 là đất thổ mộ không có đất trống để mở lối đi, phần lối đi diện tích 71,5m^2 mà các nguyên đơn yêu cầu thì ông N cũng đã bán cho Lê Thanh T2. Trên thửa 115 thì ông N đã để cho con gái Lê Thanh N1 cất nhà và chuồng bò chăn nuôi, đồng thời trên thửa 115 có cái ao sâu mà trước đây gia đình đã đào để lấy nước tưới tiêu nay sạt lỡ rộng lớn như cái đìa mà nguyên đơn khởi kiện bổ sung cho rằng Lê Thanh X thổi lấy đất nên yêu cầu X bồi thường thì X không đồng ý. Còn thửa 110 thì trồng rau màu và ông P2 đã cho ông N rồi ông N sử dụng ổn định trên 30 năm nên ông không đồng ý tất cả các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt của bà Lê Thị L1 trình bày:

Bà là con duy nhất của ông Lê Văn P3 (con ruột ông Lê Văn P2) nhưng ông P3 đã chết năm 1968 và bà không nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn P2 để lại nên bà từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án và yêu cầu xét xử vắng mặt trong vụ kiện tranh chấp giữa ông Lê Văn L, Lê Thị T1, Lê Thị A1 với ông Lê Văn N.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 09/2018/DS – ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của các nguyên đơn Lê Thị T1, Lê Thị A1, Lê Văn L đối với thửa đất 110, 115 cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre như sau:

Bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C cùng được nhận phần đất có diện tích 1.506,3m^2 (thuộc các phần số (2a), (1b), (5a), (6a), (6b), (6c), (7), (8)) thuộc thửa đất 110, 115 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 8/8/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Buộc chị Lê Thanh N1 phải tháo dỡ chuồng bò và toàn bộ tài sản có trên phần đất (phần (B)) thuộc thửa số 115 tờ bản đồ số 17 để trả lại diện tích đất 1.506,3m^2 thuộc thửa đất 110, 115 cùng tờ bản đồ số 17 cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C.

Bà Nguyễn Thị Đ2, Lê Thanh S, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thanh N1, Lê Thanh X, Lê Thị D được nhận thừa kế phần đất có diện tích 487,5m^2 (thuộc phần số (5b)) thuộc thửa đất số 115 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 08/8/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Buộc bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ2, Lê Thanh S, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thanh N1, Lê Thanh X, Lê Thị D giá trị diện tích đất chênh lệch là 10,5 m^2 x 60.000 đồng/m^2 = 630.000 đồng (sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C tự thỏa thuận phân chia phần diện tích được hưởng cũng như vị trí đất.

2. Chấp nhận yêu cầu mở lối đi tại thửa 113, tờ bản đồ số 17 của bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C. Buộc bà Nguyễn Thị Đ2, anh Lê Thanh S, các chị Lê Thanh X, Lê Thanh N1, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thị D phải mở lối đi có diện tích 71,5m^2 (thuộc phần 2b) thuộc một phần thửa 113, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 8/8/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Buộc bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ2, anh Lê Thanh S, các chị Lê Thanh X, Lê Thanh N1, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thị D (giá trị diện tích đất 71,5m^2 x 110.000 đồng/m^2) số tiền 7.865.000 đồng (bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C. Buộc chị Lê Thanh X và anh Võ Thành N2 phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C số tiền 31.680.000 đồng (ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/02/2018 anh Lê Thanh S kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S thay đổi kháng cáo, anh đồng ý chia thừa kế theo bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, lối đi cấp sơ thẩm buộc gia đình anh mở cho nguyên đơn thì gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của anh, nên anh yêu cầu mở lối đi về hướng Bắc, tại thửa 113, 114, chiều ngang 1,5m theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 20/7/2018. Về phần bồi thường cái ao, anh hứa sẽ san lắp ao trả lại nguyên hiện trạng đất trước đây, nên phần này anh sẽ không bồi thường cho nguyên đơn số tiền 31.680.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày: bản chất sự việc là tranh chấp thừa kế thửa 110, 115. Thửa đất mở lối đi là thửa khác, thửa 113, tài sản riêng của ông N, là một yêu cầu khác. Yêu cầu mở lối đi nên lối đi nào thuận tiện thì mở, bị đơn không có nghĩa vụ phải mở theo yêu cầu của nguyên đơn. Xe hoa lâm cũng đi có 1,2 m mà chúng tôi đã mở 1,5 m là quá thuận tiện. Về phần bồi thường cái ao, phía bị đơn hiện đang thực hiện, nếu buộc bị đơn phải bồi thường thì thiệt thòi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Văn A2 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh S. Anh A2 đồng ý để phần diện tích đất các nguyên đơn được nhận tại thửa 115 cho bị đơn nếu bị đơn đồng ý mở lối đi chiều ngang 2m tại thửa 113, 114 ở hướng Bắc cho nguyên đơn đi vào thửa 110. Đồng thời không yêu cầu phía bị đơn hoàn trả giá trị chênh lệch cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: về phần yêu cầu chia thừa kế các bên đương sự thống nhất nên ghi nhận. Về yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn, thấy rằng lối đi cấp sơ thẩm mở tại phần 2b, thuộc một phần thửa 113, tờ bản đồ số 17 sẽ gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của phía bị đơn và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng đồng ý mở lối đi về phía Bắc nên đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Thanh S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng mở lối đi ở phía Bắc thửa 113, 144 tờ bản đồ số 17, chiều ngang 1,5 m, thể hiện tại các thửa ký hiệu 3.1, 4.1, 3.2, 4.2, tổng diện tích 135,4 m^2, các phần còn lại của bản án giữ nguyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tranh chấp thừa kế: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về quan hệ gia đình: ông Lê Văn P2 và vợ ông P2 có 05 người con gồm Lê Văn L, Lê Thị T1, Lê Thị A1, Lê Văn P3 và Lê Văn N, ông P2 chết năm 2006, vợ ông P2 chết đã lâu. Ông P2 có 4 thửa đất gồm thửa 110, 113, 114, 115 cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã B. Khi còn sống thì ông P2 có cho bị đơn Lê Văn N sử dụng thửa 113, 114 tờ bản đồ số 17, hiện ông N đã đứng tên quyền sử dụng hai thửa đất này. Riêng 2 thửa 110, 115 ông P2 chưa cho ai nên yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thành 4 phần cho Lê Văn L, Lê Thị T1, Lê Thị A1, và Lê Văn N là phù hợp (do bà Loan, hàng thừa kế thế vị của ông Lê Văn P3 từ chối nhận di sản). Các bên đương sự nguyên đơn, bị đơn cũng thống nhất chia thừa kế thành 4 phần bằng nhau nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Xét thấy, thửa 110 nằm phía trong, bị vây bọc bởi bất động sản liền kề là thửa 113, 114, 115. Các bên đương sự cũng thống nhất dời vị trí lối đi qua phía Bắc thửa 113, 114; nguyên đơn yêu cầu đổi diện tích đất các nguyên đơn được chia ở thửa 115 để nhận diện tích đất ở thửa 113, 114 có chiều ngang 2m để các nguyên đơn làm lối đi vào thửa 110, đồng thời không yêu cầu bị đơn trả giá trị chênh lệch. Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn chỉ đồng ý đổi diện tích đất chiều ngang 1,5m, phần còn lại bị đơn đồng ý hoàn giá trị chênh lệch cho nguyên đơn. Thấy rằng, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp cũng là của ông Lê Văn P2, mặc dù thửa 113, 114 là tài sản riêng của ông Lê Văn N nhưng cũng được ông P2 tặng cho, nên yêu cầu của các nguyên đơn và bị đơn về việc đổi phần đất được nhận thừa kế ở thửa 115 để lấy diện tích đất làm lối đi ở phía Bắc thửa 113, 114 là phù hợp. Nguyên đơn có yêu cầu nhận diện tích để làm lối đi chiều ngang 2m, đổi diện tích thửa 115 cho bị đơn, không yêu cầu bị đơn trả giá trị chênh lệch cho các nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nhưng bị đơn không đồng ý vì cho rằng như vậy là gây khó khăn cho bị đơn sử dụng diện tích đất còn lại của thửa 113, 114. Hội đồng xét xử thấy rằng, thửa 110 chỉ có các nguyên đơn sử dụng, không phải là lối đi công cộng chung cho nhiều hộ dân, lối đi có chiều ngang 2m sẽ ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của phía bị đơn, nên chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao cho nguyên đơn sử dụng phần đất có chiều ngang 1,51 m ở phía Bắc thửa 113, 114. Tuy nhiên, diện tích nêu trên nhỏ hơn diện tích các nguyên đơn được nhận thừa kế tại thửa 115, nên buộc các bị đơn hoàn trả giá trị chênh lệch cho nguyên đơn là phù hợp. Cụ thể như sau:

- Diện tích các nguyên đơn được nhận thừa kế ở thửa 110 và diện tích đổi đất làm lối đi thuộc thửa 113, 114: 1.075,7 m^2 (thửa 110)+ 75,3 m^2 (thửa 114) + 18,7 m^2 (thửa 114) + 33,1 m^2 (thửa 113) + 8,3 m^2 (thửa 113) = 1.211,1 m^2. Thành tiền:

[1.075,7 m^2 (thửa 110)+ 75,3 m^2 (thửa 114) + 18,7 m^2 (thửa 114)] x 60.000 đồng + [33,1 m^2 (thửa 113) + 8,3 m^2 (thửa 113)] x 110.000 đồng = 74.736.000 đồng. (3 nguyên đơn nhận chung)

- Diện tích bị đơn được nhận thừa kế thửa 115: 918,1 m^2. Thành tiền: 918,1 m^2 x 60.000 đồng = 55.086.000 đồng.

- Diện tích một kỷ phần thừa kế: [918,1 m^2 (thửa 115) + 1075,7 m^2 (thửa 110)] : 4 = 498,45 m^2. Thành tiền: 498,45 m^2 x 60.000 đồng/m^2 = 29.907.000 đồng.

Vậy bị đơn đã nhận hơn một kỷ phần thừa kế số tiền là 25.179.000 đồng, nên buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền chênh lệch này cho phía nguyên đơn.

[3] Về phần bồi thường thiệt hại việc thổi đất cái ao, xét thấy đây là lỗi của phía bị đơn, đến thời điểm xét xử phúc thẩm phía bị đơn vẫn chưa khắc phục xong nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo phần này của bị đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 31.680.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các ông bà Lê Văn L, Lê Thị A1, Lê Thị T1, Lê Văn N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Về phần bồi thường thiệt hại việc thổi đất cái ao: Buộc anh Võ Thành N2 và chị Lê Thanh X phải chịu theo quy định pháp luật là 1.584.000 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Lê Thanh S không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Thanh S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS – ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các điều 604, 608, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của các nguyên đơn Lê Thị T1, Lê Thị A1, Lê Văn L đối với thửa đất 110, 115 cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre như sau:

Bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L gồm Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C cùng được nhận phần đất có diện tích 1.075,7 m^2 (thửa 110)+ 75,3 m^2 (thửa 114) + 18,7 m^2 (thửa 114) + 33,1 m^2 (thửa 113) + 8,3 m^2 (thửa 113) m^2 (thuộc các phần số (6a), (6b), (6c), (7), (8), (4.1), (4.2), (3.1), (3.2)) thuộc thửa đất 110, 114, 113 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Các thửa đất tại thửa 113, 114 các nguyên đơn được sử dụng liền kề với thửa 110 nên được nhập vào thửa 110. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N gồm Nguyễn Thị Đ2, Lê Thanh S, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thanh N1, Lê Thanh X, Lê Thị D giao lại cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L gồm Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C các diện tích đất nêu trên.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N gồm Nguyễn Thị Đ2, Lê Thanh S, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thanh N1, Lê Thanh X, Lê Thị D được nhận thừa kế phần đất có diện tích 918,1 m^2 thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(có họa đồ ngày 08/8/2017 và 20/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Ghi nhận bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C tự thỏa thuận phân chia phần diện tích được hưởng cũng như vị trí đất.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N gồm Nguyễn Thị Đ2, Lê Thanh S, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thanh N1, Lê Thanh X, Lê Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho các nguyên đơn Bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L gồm Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C số tiền chênh lệch là 25.179.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất phần đất nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L gồm Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C. Buộc chị Lê Thanh X và anh Võ Thành N2 phải liên đới bồi thường cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C số tiền 31.680.000 đồng (ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: 11.138.100 đồng (mười một triệu một trăm ba mươi tám nghìn một trăm đồng), mỗi suất thừa kế phải chịu là 2.784.525 đồng, các nguyên đơn đã thanh toán xong nên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N gồm bà Nguyễn Thị Đ2, anh Lê Thanh S, các chị Lê Thanh X, Lê Thanh N1, Lê Thanh T2, Lê Thanh K1, Lê Thị D phải trả lại cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1 và Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C số tiền là 2.784.525 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Buộc anh Lê Thanh S phải chịu 536.000 đồng (năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng) chi phí trích lục hồ sơ địa chính và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T1, bà Lê Thị A1, ông Lê Văn L, ông Lê Văn N được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Lê Thị T1, Lê Thị A1, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn L gồm Phan Thị A, Lê Văn P, Lê Thị B, Lê Thị Đ, Lê Văn P1, Lê Thị L1, Lê Công T, Lê Tuấn K, Lê Văn Đ1, Lê Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.714.000 đồng (năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) theo các biên lai thu số 002900 (ngày 11/12/2009), 0007435 (ngày 03/8/2017) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Buộc anh Võ Thành N2 và chị Lê Thanh X phải nộp số tiền 1.584.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

5. Án phí phúc thẩm:

Anh Lê Thanh S không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho anh S số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014590 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Kim Của